

Tổng cục Lương thực sẽ cùng với các Bộ có liên quan và Ủy ban hành chính các tỉnh giải quyết tốt vấn đề này.

3. Để giải quyết vấn đề nguyên liệu cho nhà máy và cung cấp phân bón, lương thực, ... cho các hợp tác xã được tốt, cần thực hiện việc ký hợp đồng đã nói trong điểm 3 của vấn đề núa.

4. Về giá chỉ đạo mua năm 1962: xét giá chỉ đạo thu mua của Nhà nước trong năm 1961 đã hợp lý, Hội đồng Chính phủ quyết định giữ giá chỉ đạo thu mua hiện nay, tức là 0đ36/kg chè búp tươi ở Phú-thọ.

Nhưng để khuyến khích việc chăm bón đúng kỹ thuật hướng dẫn, Nhà nước có thể bán chịu phân bón trong một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp thiếu tiền; đến khi năng suất chè lên có thể thu hoạch được thì các hợp tác xã trả lại hoặc bằng tiền, hoặc bằng chè cho Nhà nước. Việc này cần phải được giải thích kỹ cho người trồng chè thấy rõ sự quan tâm của Chính phủ, nhưng không nên ỷ lại hoàn toàn vào Nhà nước; trước hết phải lấy quỹ sẵn có của hợp tác xã để mua, nếu còn thiếu sẽ xin mua chịu của Nhà nước.

Chè Thái nguyên: giao cho Bộ Nông nghiệp, Bộ Nội thương và các Bộ liên quan phối hợp với địa phương giải quyết.

Về tơ tằm:

Nhu cầu về tơ hiện nay ngày càng tăng nhiều, mà sản xuất thì quá ít, không phát triển kịp do đất đai trồng dâu ở đồng bằng có hạn, trình độ quản lý các hợp tác xã nông nghiệp và trình độ chăm sóc tằm còn kém, v.v... Hội đồng Chính phủ có ý kiến:

1. Tơ tằm là một loại sản phẩm quý, cần nhiều cho nhu cầu ngư nghiệp, may mặc, xuất khẩu. Cần phải chú ý đẩy mạnh phát triển nghề này hơn nữa, sản xuất tơ càng nhiều càng tốt bằng cách có kế hoạch trồng dâu xen kẽ trên bờ ruộng, nhất là phải tìm đất mới ở các vùng trung du, thượng du để mở rộng diện tích trồng dâu; hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tập trung cả 3 khâu trồng dâu, nuôi tằm và ươm tơ, giúp đỡ kỹ thuật nuôi tằm được tốt, v.v...

Tơ tằm là sản, thầu dầu tuy phẩm chất không bằng tơ tằm nhưng vẫn là một loại nguyên liệu quý cho sản xuất công nghiệp và cho xuất khẩu, lại có điều kiện phát triển nhanh, nên cần phải chú ý đẩy mạnh để có thêm cung cấp cho các nhu cầu của Nhà nước và tăng thêm thu nhập cho các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và nông dân.

Bộ Nông nghiệp cùng với các Bộ có liên quan và Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố cần có kế hoạch và biện pháp toàn diện để khuyến khích, hướng dẫn giúp đỡ các hợp tác xã và nông dân phát triển sản xuất các loại tơ trên (tơ tằm, lá sắn, thầu dầu).

2. Về giá chỉ đạo thu mua 1962: xét tình hình sản xuất và nhu cầu về tơ hiện nay, để góp phần

khuyến khích phát triển sản xuất, Hội đồng Chính phủ quyết định nâng giá thu mua bình quân năm nay từ 28đ lên 30đ/kg tơ nồn. Trên cơ sở giá chỉ đạo thu mua tơ nồn, Bộ Nội thương sẽ phối hợp với Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Tổng cục Thủy sản, Bộ Công nghiệp nhẹ... và Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố chỉ đạo giá mua kén, tơ ngang và tơ gốc cho các địa phương; ở những nơi chưa có thể tập trung kinh doanh cả 3 khâu trồng dâu, nuôi tằm và ươm tơ làm một thì việc chỉ đạo giá mua phải thể hiện được tinh thần khuyến khích khâu trồng dâu và nuôi tằm cho thích đáng.

Hà nội, ngày 19 tháng 3 năm 1962

T. M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG

NGHỊ ĐỊNH số 39 — CP ngày 22-3-1962 quy định nội dung thu, chi của quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ theo điều 66 và 68 của Hiến pháp tạm thời về chế độ bảo hiểm xã hội đã được Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo nghị định số 218 — CP ngày 27-12-1961:

Theo đề nghị của các ông Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Ban chấp hành Tổng công đoàn Việt-nam;

Căn cứ theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 11-1-1962;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay quy định nội dung thu, chi của quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước như sau:

Điều 2. — Nguồn thu của quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước gồm có:

a) Tiền do các cơ quan chính quyền và đoàn thể, các xí nghiệp, công trường nông trường và lâm trường... của Nhà nước nộp hàng tháng vào quỹ bảo hiểm xã hội theo một tỷ lệ phần trăm nhất định so với tổng quỹ tiền lương. Tỷ lệ này được ấn định ở điều 5 dưới đây;

b) Tiền trợ cấp hàng năm của Nhà nước cho quỹ bảo hiểm xã hội trong những trường hợp thật cần thiết;

c) Các khoản thu khác thuộc quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước (thu về tiền ủng hộ, về các tặng phẩm...).

09664027

LawSut * Tel: +84-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 3. — Quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước có nhiệm vụ đài thọ tất cả các khoản chi dưới đây theo quy định của điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội :

a) Trợ cấp khi công nhân, viên chức Nhà nước ốm đau ;

b) Trợ cấp khi nữ công nhân, nữ viên chức Nhà nước sinh đẻ, sảy thai, mất sữa ;

c) Trợ cấp khi công nhân, viên chức Nhà nước bị tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp ;

d) Trợ cấp khi công nhân, viên chức Nhà nước mất sức lao động phải thôi việc ;

đ) Trợ cấp khi công nhân, viên chức Nhà nước về hưu trí ;

e) Trợ cấp chôn cất và tiền tuất khi công nhân, viên chức Nhà nước chết ;

g) Các chi phí về công tác quản lý quỹ bảo hiểm xã hội và quản lý các sự nghiệp bảo hiểm xã hội ;

h) Quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước không kết dư. Nếu quản lý tốt mà hàng năm còn thừa tiền thì được phép dùng số tiền thừa đó chỉ vào việc xây dựng thêm các sự nghiệp bảo hiểm xã hội.

Điều 4. — Các khoản thu, chi về quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước được quy định trong các điều 2 và 3 trên đây đều ghi vào ngân sách Nhà nước theo các loại khoản trong mục lục tài khoản ngân sách Nhà nước do Bộ Tài chính quy định.

Điều 5. — Tỷ lệ tiền do các cơ quan chính quyền và đoàn thể nhân dân, các xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường... của Nhà nước nộp hàng tháng vào quỹ bảo hiểm xã hội là 4,7% so với tổng quỹ tiền lương của công nhân, viên chức.

Điều 6. — Hàng quý, hàng năm, Tổng công đoàn Việt nam gửi báo cáo về tình hình thu, chi của quỹ bảo hiểm xã hội (có phân tích rõ ràng, từng khoản thu, chi theo quy định ở điều 3 trên đây) đến Bộ Tài chính để tổng hợp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 7. — Tổng công đoàn Việt nam cùng với Bộ Tài chính quy định những biện pháp cụ thể về việc quản lý tài vụ của quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước.

Điều 8. — Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1962.

Điều 9. — Bộ Lao động, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Tổng công đoàn Việt nam hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 22 tháng 3 năm 1962

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

PHỦ THỦ TƯỚNG

QUYẾT ĐỊNH số 31 Tg ngày 8-3-1962 về việc bàn giao nhà máy dưỡng khí của Bộ Kiến trúc sang Bộ Công nghiệp nặng.

Xét đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Kiến trúc và ông Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng,

Thủ tướng Chính phủ quyết định :

1. Giao nhà máy dưỡng khí của Bộ Kiến trúc cho Bộ Công nghiệp nặng quản lý về mọi mặt hoạt động của xí nghiệp.

Khi bàn giao phải chuyển tất cả vốn cố định (máy móc nhà cửa phụ tùng thay thế, bình chữa v.v...) vốn lưu động và cán bộ công nhân viên thuộc xí nghiệp này sang Bộ Công nghiệp nặng.

2. Từ nay trở đi Bộ Công nghiệp nặng chịu trách nhiệm cung cấp dưỡng khí cho ngành Y tế.

Hà nội, ngày 8 tháng 3 năm 1962

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LE THÀNH NGHỊ

CHỈ THỊ số 35-TTg ngày 14-3-1962 về việc tiến hành điều tra công nghiệp địa phương năm 1961 và quý I-1962.

Kính gửi : Bộ Công nghiệp nặng, Công nghiệp nhẹ,

Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Thống kê,

Ủy ban hành chính, các khu thành phố, tỉnh.

Đồng kính gửi : Ban liên hiệp hợp tác xã thủ công nghiệp trung ương.

Đề Trung ương Đảng và Chính phủ nắm được tình hình công nghiệp địa phương năm 1961 và quý I-1962, phát hiện được những khả năng tiềm tàng làm cơ sở để kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước và chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất công nghiệp địa phương trong các năm tới.

Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành bản phương án điều tra tình hình công nghiệp địa phương năm 1961 và quý I-1962 và giao nhiệm vụ cho các cơ quan sau đây tiến hành :

— Tổng cục Thống kê căn cứ vào phương án điều tra, lập bản kế hoạch điều tra, ban hành các biểu mẫu, giải thích cách ghi biểu, quy định các